

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo văn bản số...../CV-HN28 ngày ... 8/2022 của Công ty CP vật liệu và xây dựng nhà Hà Nội số 28)

1: Thông tin chung

1.1. Địa chỉ liên hệ của chủ dự án

- Tên dự án: Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ núi Thung Gạo, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Chủ đầu tư: CÔNG TY CP VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG NHÀ HÀ NỘI SỐ 28

- Địa điểm: xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

1.2. Phương tiện liên lạc với chủ dự án

- Điện thoại: 0912444002

- Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Hà Biên - Chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện dự án

Khu vực mỏ khai thác có diện tích 8,6ha, thuộc địa phận núi Thung Gạo, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4 có tọa độ theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 theo bảng sau:

Bảng 1-1. Tọa độ các điểm khép góc khu mỏ

Tên điểm	X (m)	Y (m)
1	2279973,63	584961,09
2	2279695,56	585267,01
3	2279529,28	585162,15
4	2279694,95	584878,98

Ranh giới tiếp giáp dự án bao gồm:

- Phía Bắc và Đông Bắc khu vực mỏ xin khai thác của công ty TNHH Tiên Sơn và công ty cổ phần Lĩnh Sơn;

- Phía Đông Nam giáp khu vực mỏ xin khai thác của công ty Đức Nam;

- Phía Nam giáp khu vực mỏ xin khai thác của công ty TNHH An Viễn;

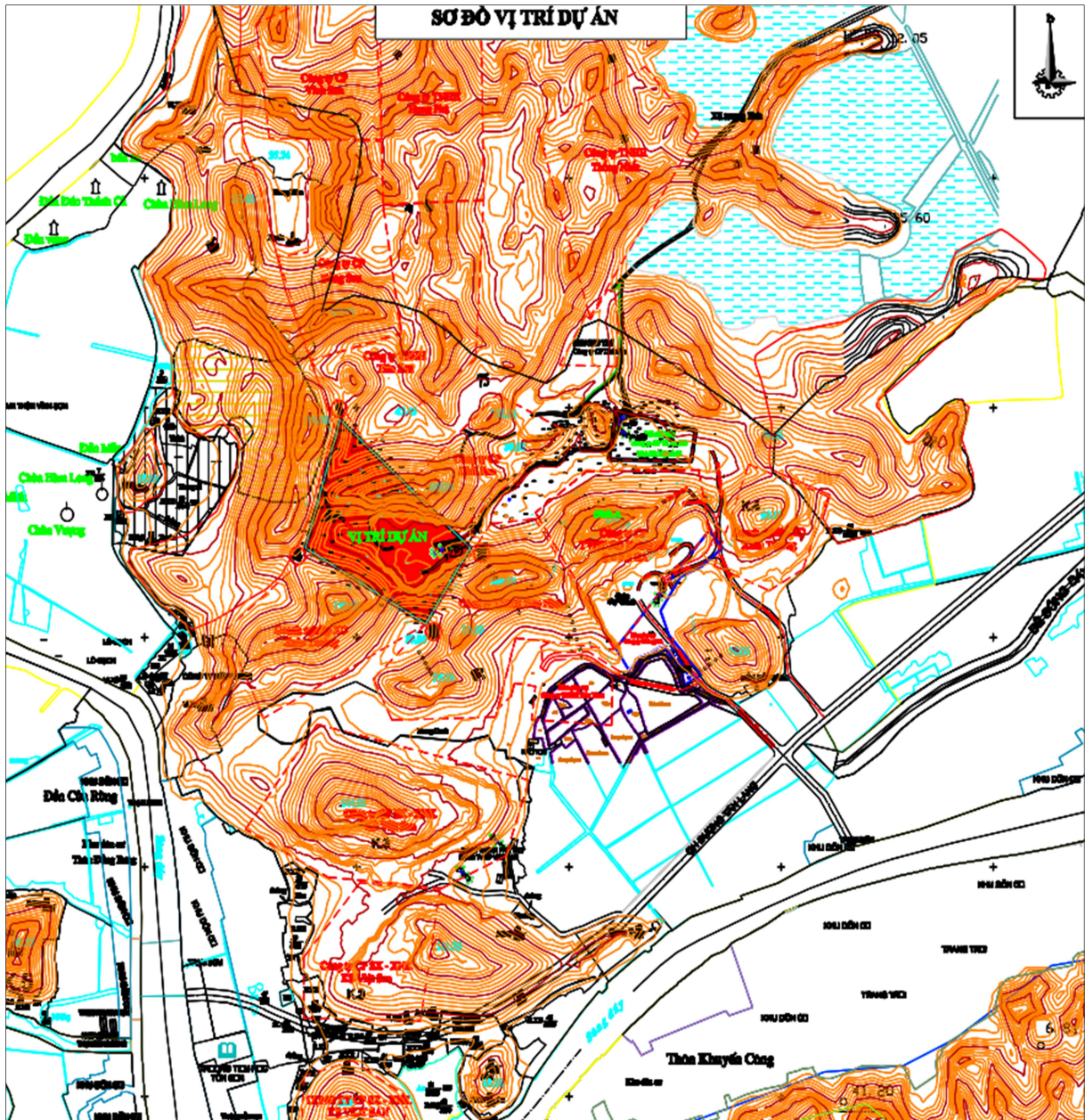
- Phía Tây giáp núi đá khu vực cấm khai thác.

Khu vực trạm nghiền sàng và khu phụ trợ tổng diện tích là 2,579ha, khu vực có ranh giới như sau:

Khu văn phòng và trạm nghiền sàng được giới hạn bởi các điểm góc như sau:

Bảng 1-2. Tọa độ các điểm khép góc khu phụ trợ

Tên điểm	X (m)	Y (m)
1	2279993,87	585611,26
2	2279931,41	585876,13
3	2279872,83	585866,79
4	2279876,74	585592,54



Hình 1- 1. Sơ đồ vị trí dự án
Hệ thống sông ngòi, ao hồ

Toàn bộ diện tích khai thác nằm ở địa hình dương trên mực nước mặt địa phương, không có suối chỉ có các khe cạn nhỏ không có nước.

Nằm ngoài diện tích khai thác có một phần là diện tích canh tác lúa của nhân dân xã Tân Sơn, hiện tại đang được trồng sen, mùa mưa nước được tiêu thoát tự nhiên ít ảnh hưởng đến khai thác đá.

Các khu vực dự án khoảng 500m về phía Bắc là khu vực đầm Hoa Đỏ đang là khu vực trồng sen của người dân địa phương.

Hệ thống giao thông

Khu mỏ có điều kiện giao thông thuận lợi, từ quốc lộ 1A (cầu vượt Đồng Văn) đi theo Quốc lộ 38 đến xã Tân Sơn (đường rẽ vào khu mỏ) khoảng 14km hoặc từ thành phố phủ lý đi theo quốc lộ 21B khoảng 10km, tiếp đó đi theo đường bê tông và được vận chuyển các sản phẩm đá sau khai thác và chế biến.

Đường bộ: Mở các quốc lộ 21B khoảng 2km. Hiện tại các đường liên xã đã được cải tạo mở rộng, xe trọng tải lớn có thể lưu hành, vận chuyển rất thuận lợi.

Hiện trạng sử dụng đất

Khu vực núi Thung Gạo, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng nằm trong vùng quy hoạch khai thác để sản xuất vật liệu xây dựng.

Khu vực văn phòng được xây dựng trên diện tích 2,579ha nằm cách khu khai thác khoảng 700m về phía Đông Bắc, đây là thung có địa hình tương đối thấp, phẳng.

Các đối tượng kinh tế - xã hội

Khu vực khai thác được bao quanh bởi các núi đá vôi nên cách xa dân cư khu vực. Khu vực dân cư gần nhất là thôn Tân Lang nằm cách khu khai thác của công ty 2km về phía Tây Nam.

Cách khu vực khai thác khoảng 500m và khu vực trạm nghiền sàng cách khoảng 1.100m về phía Tây là chùa Hà Long và khu vực trồng cây ăn quả của dân cư thôn Vượng, tuy nhiên phía Tây đã được bao bọc bởi dãy núi tương đối cao (dãy núi này nằm trong khu vực cấm khai thác) vì vậy sự ảnh hưởng của quá trình nổ mìn khai thác của công ty sẽ không ảnh hưởng tới chùa Hà Long cũng như vườn cây ăn quả của người dân. Khu vực khai thác của dự án nằm trong khu vực quy hoạch của UBND tỉnh và đã được cấp phép khai thác. Khu vực sân bay quân sự không còn hoạt động từ nhiều năm nay và xung quanh khu vực có một số Công ty cổ phần Lĩnh Sơn, Công ty TNHH Thống Nhất đang hoạt động. Vì thế hoạt động khai thác mỏ của dự án không ảnh hưởng đến khu vực sân bay quân sự cách dự án khoảng 1,5km về hướng Đông Bắc.

Tiếp giáp với khu vực mỏ xin khai thác của công ty là các mỏ đá của Công ty TNHH Tiên Sơn, Công ty CP Lĩnh Sơn, Công ty Đức Nam, Công ty TNHH An Viên. Các khu vực khoảng 600m về phía Đông Bắc là trạm nghiền của Công ty CP Lĩnh Sơn.

2: Quy mô sản xuất, kinh doanh

2.1. Trữ lượng mỏ

Diện tích mỏ là 8,6 ha; cos đáy mỏ là + 5 m.

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt báo cáo kết quả thăm dò địa chất mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Thung Gạo, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Trữ lượng địa chất tính cho diện tích mỏ là 8,6 ha; cao độ thăm dò đến + 5 m; tổng trữ lượng cấp 121 là 6.512.028 m³.

Căn cứ Bảng tính trữ lượng mỏ đá vôi làm VLXDTT tại mỏ núi Thung Gạo, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam của Công ty CP vật liệu và xây dựng nhà Hà Nội số 28 do Công ty Cổ phần Trắc địa và Tài nguyên môi trường Minh Châu đo ngày 20/5/2022. Trữ lượng mỏ còn lại là: 5.748.560 m³ đá nguyên khối.

Do đó, trữ lượng khoáng sản đã khai thác tính từ thời điểm cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đo trữ lượng mỏ ngày 20/5/2022 là:

$$6.512.028 \text{ m}^3 - 5.748.560 \text{ m}^3 = 763.468 \text{ m}^3 \text{ đá nguyên khối.}$$

Giấy phép khai thác khoáng sản số 70/GP-UBND ngày 24/8/2012 và Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 70/GP-UBND ngày 24/8/2012 của UBND tỉnh Hà Nam. Trữ lượng khai thác: 4.423.122 m³ đá nguyên khối.

Trữ lượng khai thác còn lại tính đến ngày 20/5/2022 là:

$$4.423.122 \text{ m}^3 - 763.468 \text{ m}^3 = 3.659.654 \text{ m}^3.$$

2.2. Công suất khai thác

Công suất khai thác là: 790.000 m³/năm đá nguyên khối, tương ứng 1.185.000 m³/năm đá sản phẩm.

2.3. Tuổi thọ

Thời gian thi công mở vỉa (mở mỏ) và khai thác trữ lượng còn lại:

$$T_1 = \frac{V_{ct}}{A_q} = \frac{3.659.654}{790.000} = 4,6 \text{ năm}$$

Căn cứ văn bản số 147/TB-VP ngày 30/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng tại Hội nghị thống nhất các nội dung về quản lý khoáng sản được tổ chức vào ngày 25/8/2021; văn bản 1290/UBND-GTXD ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. Tuổi thọ dự án dự kiến đến ngày 31/12/2025.

Đến thời điểm 31/12/2025, tùy theo điều kiện thực tế, Công ty CP vật liệu và xây dựng nhà Hà Nội số 28 sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền đề xin ý kiến chỉ đạo đối với phần trữ lượng khoáng sản còn lại chưa khai thác hết.

3: Các tác động môi trường của Dự án

3.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Hoạt động xây dựng cơ bản làm phát sinh bụi, khí thải; nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nước thải từ quá trình rửa máy móc, thiết bị thi công; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- Hoạt động khai thác, vận chuyển đá về trạm nghiền gây ra bụi, khí thải; Bụi, khí thải từ khu vực trạm nghiền; hoạt động của công nhân viên phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại; tác động đến địa hình; tác động môi trường khi xảy ra rui ro, sự cố nổ mìn, sạt lở bờ tầng.

3.2. Quy mô, tính chất của các chất thải phát sinh từ Dự án

a. Đối với nước thải, bụi, khí thải

❖ Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động phát sinh khoảng 5,0 m³/ngày, thành phần TSS, BOD, COD, N, P và các vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng, rửa máy móc, thiết bị: Lưu lượng khoảng 0,6 m³/ngày, thành phần TSS, COD, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng khoảng 0,13 m³/s, thành phần N, P, COD, TSS.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông, thi công, thành phần CO, NO_x, SO₂.

❖ Giai đoạn khai thác

Lượng nước mưa chảy tràn theo trận mưa lớn nhất trên mặt bằng khu vực là 2.580 m³/ngày.đêm. Lượng chất bẩn tích tụ trong khoảng 15 ngày tại khu vực thi công là 5,5kg.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 9,0 m³/ngày.đêm, thành phần TSS, BOD, COD, N, P và các vi sinh vật.

- Nước từ hoạt động bơm và lưu giữ cát lên bãi chứa: Lưu lượng khoảng 448 m³/ngày, thành phần chủ yếu TSS.

- Nước mưa chảy tràn lưu lượng khoảng 0,13 m³/s, thành phần TSS.

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện khai thác, vận chuyển, thành phần CO, NO_x, SO₂.

b. Chất thải rắn

Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 25,0 kg/ngày, thành phần giấy vụn, nylon, nhựa, thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ,...

- Chất thải xây dựng: Khoảng 600 kg, gồm nguyên vật liệu không đạt tiêu chuẩn, nguyên liệu rơi vãi,...

- Chất thải nguy hại: Khoảng 17,5 kg/tháng bao gồm giẻ lau dính dầu, dầu nhớt thải, thùng đựng dầu nhớt,...

Giai đoạn khai thác

- Chất thải sinh hoạt: Khoảng 45,0 kg/ngày, thành phần giấy vụn, nylon, nhựa, thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ,...

- Chất thải rắn thông thường: Khoảng 750 m³/năm gồm tạp chất, chất thải rắn lẫn trong cát.

- Chất thải nguy hại: Khoảng 7,8 kg/tháng bao gồm giẻ lau dính dầu, bình ắc quy hỏng, dầu nhớt thải của các thiết bị, máy móc,...

3.3. Tác động của tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Tiếng ồn, độ rung giai đoạn xây dựng cơ bản phát sinh từ thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển.

- Tiếng ồn, độ rung giai đoạn khai thác phát sinh từ hoạt động khoan nổ mìn phá đá, hoạt động vận chuyển của xe chở đá, hoạt động nghiền từ khu trạm nghiền,...

- Tác động khác: Tác động tới giao thông, cơ sở hạ tầng khu vực; thay đổi địa hình, rui ro sạt lở đường bờ.

4: Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- Nước thải sinh hoạt: Tại khu phụ trợ, xây dựng 01 nhà vệ sinh bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân trước khi xả ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → thải ra môi trường.

- Nước thải xây dựng: Xây dựng hệ thống thu gom, có hố lắng để thu gom, và xử lý toàn bộ nước thải xây dựng trước khi thải ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải xây dựng → hố lắng hai ngăn → thải ra môi trường

- Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống thu gom, có hố lắng để thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn xung quanh nhà điều hành.

Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hố lắng → lắng cặn → môi trường.

4.1.2. Trong giai đoạn khai thác:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại. Đây là bể phản ứng kỵ khí có chức năng xử lý nước thải sinh hoạt và các loại nước thải khác có thành phần tích chất tương tự nước thải sinh hoạt.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn mặt bằng công trình phụ trợ: Xây dựng hệ thống thu gom, có hố lắng để thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn xung quanh nhà điều hành trước khi chảy ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hố lắng 3 ngăn → lắng cặn → thung nước.

- Nước từ cầu rửa xe: Xây dựng hệ thống rãnh thu nước có hố lắng, thu gom, lắng lọc toàn bộ nước róc từ bãi chứa cát trước khi chảy ra môi trường.

4.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; thực hiện đầy đủ các biện pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị khai thác, phương tiện vận chuyển.

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện vận chuyển cát, nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận.

4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

4.3.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Sử dụng thùng chứa rác có nắp đậy loại 120 lít bằng nhựa tại khu vực thi công, khai thác, bãi chứa, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Đất đá thải, chất thải xây dựng được thu gom, loại đủ điều kiện làm vật liệu san lấp sử dụng san lấp trong khu vực Dự án; loại không đủ tiêu chuẩn được tập kết, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

4.3.2. Trong giai đoạn khai thác:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Sử dụng thùng chứa rác có nắp đậy loại 120 lít bằng nhựa tại khu vực khai thác, bãi chứa cát, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn thông thường: trong quá trình khai thác, phát sinh đất phủ, đá loại không đủ tiêu chuẩn sẽ gom tại bãi chứa tạm, diện tích 200m² trên sân công nghiệp.

4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

4.4.1. Trong giai đoạn xây dựng cơ bản:

Thu gom vào các thùng có nắp đậy, lưu giữ tạm tại kho chứa chất thải nguy hại, diện tích khoảng 5 m², hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

4.4.2. Trong giai đoạn khai thác:

- Thu gom và lưu chứa tất cả các loại chất thải nguy hại phát sinh trong các thiết bị chuyên dụng, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Quy định áp dụng: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Các phương tiện vận chuyển chỉ được phép chở đúng tải trọng cho phép; sử dụng các thiết bị khai thác, vận chuyển đủ điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; chỉ triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Vấn đề tác động môi trường kinh tế xã hội khu vực là không lớn, do địa bàn khai thác ít dân sinh sống, chủ yếu là đồi cây. Biện pháp giảm thiểu các tác động sẽ tập trung vào các giải pháp sau:

+ Tạo điều kiện công ăn việc làm cho người lao động địa phương;

+ Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn giao thông khi vận chuyển vật tư, sản phẩm. Cụ thể như sau:

++ Chỉ lưu hành các loại xe đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đã được đăng kiểm;

++ Các phương tiện vận tải khi chuyên chở hàng đảm bảo được che phủ bạt. Không chở quá tải làm ảnh hưởng tới phương tiện và chất lượng đường giao thông.

++ Lái xe phải thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn giao thông đường bộ, đảm bảo an toàn cho người và tài sản trong quá trình vận chuyển.

4.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường:

- Khu vực khai trường

+ Khu vực bề mặt sườn tầng và đai an toàn: Công ty tiến hành trồng cây ở sườn tầng;

+ Khu vực đáy moong: đào hố, đổ đất màu trồng keo lá tràm;

- Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: dọn dẹp mặt đường, đào hố hai bên đường, trồng cây xanh tạo cảnh quan.

- Khu vực văn phòng và trạm nghiền

+ Di chuyển máy móc, thiết bị trên công trường;

+ San gạt, tạo phẳng, đào hố, đổ đất màu trồng cây phủ xanh.

4.6. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 30 m².

- Hệ thống thu gom, hồ lắng, thoát nước mưa chảy tràn khu vực phụ trợ.

- Hệ thống thu gom, hồ lắng nước rửa xe.

4.7. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

4.7.1. Giám sát quan trắc môi trường giai đoạn xây dựng cơ bản:

- **Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn:**

+ Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng (TSP), CO, NO_x, SO₂

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí khu vực mỏ; 01 vị trí khu vực nghiền sàng.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Giám sát chất lượng nước thải:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại máng xử lý nước thải bằng thủy sinh.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, NO₃⁻ (N), PO₄³⁻ (P), tổng N, tổng P, tổng Dầu mỡ khoáng, Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Giám sát chất thải

+ Tần suất giám sát: thường xuyên.

+ Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải tạm thời.

+ Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại chất thải.

+ Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định hướng dẫn chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.7.2. Giám sát quan trắc môi trường giai đoạn khai thác:

- Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn:

+ Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng (TSP), CO, NO_x, SO₂

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí khu vực mở; 01 vị trí khu vực nghiền sàng.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Giám sát chất lượng nước thải:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại máng xử lý nước thải bằng thủy sinh.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, NO₃⁻ (N), PO₄³⁻ (P), tổng N, tổng P, tổng Dầu mỡ khoáng, Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

nước thải sinh hoạt (cột B).

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Giám sát chất thải

+ Tần suất giám sát: thường xuyên.

+ Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải tạm thời.

+ Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại chất thải.

+ Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định hướng dẫn chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Giám sát sạt lở:

Thường xuyên theo dõi, giám sát hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đất đá bờ moong.

5: Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

5.1. Tiến độ thực hiện dự án:

Thời gian xây dựng các hạng mục sẽ được tính toán chi tiết trong giai đoạn Thiết kế bản vẽ thi công. Trong phần thiết kế cơ sở điều chỉnh Dự án chỉ đưa ra bảng dự kiến tiến độ xây dựng như sau:

Bảng 1- 3: Thời gian thi công xây dựng công trình mở vỉa (mở mở) và thi công khai thác

TT	Hạng mục công trình	Tháng thứ														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	...
1	Thi công tuyến đường hào vận tải ô tô 1	—————														
2	Thi công tuyến đường hào vận tải ô tô 2	—————														
3	Thi công tuyến hào di chuyển thiết bị	—————														
4	Thi công bãi xúc tại cao độ + 45 m	—————														
5	Thi công bặt Đỉnh A xuống cao độ + 155 m	—————														
	Tổng thời gian thi công	—————														
	Công tác khai thác mở			

5.2. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến

- Tổng mức đầu tư dự án: 27.133.507.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ, một trăm ba mươi ba triệu, năm trăm linh bảy nghìn đồng).

- Trong đó:

+ Đã đầu tư và thu hồi trong xây dựng công trình: 25.299.825.819 đồng

+ Đầu tư bổ sung: 1.821.354.875 đồng.

6: Cam kết của Chủ dự án

Chủ dự án cam kết về tính trung thực, chính xác của số liệu, thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của Dự án được trình bày trong báo cáo ĐTM.